

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1383/2022/DSST
Ngày 26/4/2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiên Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Giang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 323/2015/TLST- DS ngày 29 tháng 10 năm 2015, về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1034/2022/QĐXXST-DS ngày 02/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1860/2022/QĐST-DS ngày 31/3/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Đường X, Khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: 1. Ông Huỳnh S, sinh năm 1935 (có yêu cầu vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị C2, sinh năm 1940 (có yêu cầu vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Đường X, Khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1941 (có mặt)

Địa chỉ: Quốc lộ X, Tổ X, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1939 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Đường X, Khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1982 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Đường X, Khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1958 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: đường T, Khu phố B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Dương Minh C3, sinh năm 1960 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Đường X, Khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Đường X, Khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

7. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Đường X, Khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

8. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1970 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Đường X, Khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

9. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1971 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Đường số G, Khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: đường H, Khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

11. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1963 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Đường T, Phường D, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

12. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1969 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Đường G, Khu phố F, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

13. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Đường X, Khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

14. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1973 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Đường X, Khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

15. Bà Lê Thị Khánh L, sinh năm 1983 (có yêu cầu vắng mặt)

16. Ông Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1977 (có mặt)

17. Ông Nguyễn Lê T4, sinh năm 1969 (có yêu cầu vắng mặt)

18. Ông Nguyễn Lê H3, sinh năm 1972 (có yêu cầu vắng mặt)

19. Ông Nguyễn Lê D, sinh năm 1974 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Đường X, Khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

20. Bà Nguyễn Thị Kim C4, sinh năm 1956 (có yêu cầu vắng mặt)

21. Ông Nguyễn Châu T5, sinh năm 1990 (có yêu cầu vắng mặt)

22. Bà Nguyễn Thị Thủy T6, sinh năm 1991 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Đường X, Khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

23. Ủy ban nhân dân thành phố T

Địa chỉ: Đường B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố T: Ông Lê Nguyễn Trọng Q (có yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C1 cùng các lời khai tiếp theo của nguyên đơn thì nội dung vụ án như sau:

Bà Nguyễn Thị Kim C1 yêu cầu Ông Huỳnh S, Bà Nguyễn Thị C2 trả lại cho bà phần đất có diện tích 164,2 m² thuộc Thửa 22, Tờ bản đồ số 3, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của bà Đoàn Thị Đ chết để lại.

Nguồn gốc phần đất: Khi còn sống, bà Đoàn Thị Đ có tạo lập phần đất khoảng 10.000m² tọa lạc tại phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đ có chồng là ông Nguyễn Văn T7 (chết 1964) và 06 người con là bà Nguyễn Thị H4 (chết năm 2013) bà H4 có chồng là ông Dương Văn T7 (chết năm 1993) và có 07 người con là Nguyễn Thị M, Dương Minh C3, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Kim C1; ông Nguyễn Văn Đ (chết năm 2010) có vợ là bà Huỳnh Thị B và có 06 người con là bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1; Bà Nguyễn Thị C2; ông Nguyễn Văn L; ông Nguyễn Văn H (chết năm 2010) có vợ là bà Nguyễn Thị Kim C4 và 02 con là ông Nguyễn Chân T5 và bà Nguyễn Thị Thủy T6; bà Nguyễn Thị B (chết năm 2012) có chồng là ông Nguyễn Văn S (chết năm 2015) và 05 người con là Nguyễn Thị Khánh L, Nguyễn Ngọc H2, Nguyễn Lê T4, Nguyễn Lê H3, Nguyễn Lê D.

Sau khi bà Đ chết năm 1993, ông Nguyễn Văn L đứng ra chia phần đất của bà Đ cho 06 người con bằng hình thức dùng dây đo chia phần và phân ranh, các anh chị em đã bốc thăm vị trí của từng người, phần đất của bà H4 nằm ở vị trí số

3 (giữa phần đất của bà Nguyễn Thị B và Bà Nguyễn Thị C2). Sau đó mỗi người tự sử dụng phần đất của mình.

Năm 1996, khi thực hiện dự án nhà máy CocaCola, cả 6 người đều bị thu hồi mỗi người một phần đất và mỗi người tự nhận bồi thường cho phần riêng của mình đã được chia. Do bà H4 lớn tuổi, mưa ngập nên đã thất lạc toàn bộ giấy tờ liên quan đến việc bồi thường của dự án CocaCola.

Năm 2001, ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn Đ đã chuyển nhượng toàn bộ phần đất của mình cho người khác.

Năm 2008, Nhà nước thực hiện dự án Bờ kè Suối Nhum đã thu hồi toàn bộ phần đất còn lại. Do bà Nguyễn Thị H4 bị bệnh nên bà Nguyễn Thị C2, Ông Huỳnh S kê khai và nhận tiền bồi thường nhưng không giao lại tiền bồi thường cho bà Nguyễn Thị H4. Diện tích đất còn lại thu hồi làm dự án bờ kè suối Nhum là 565,9m² thuộc Thửa 22 Tờ bản đồ số 3 phường Linh Trung, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), do không đo vẽ nên không có diện tích đất cụ thể của từng người. Vì vậy, bà yêu cầu chia đều cho 04 người còn lại là bà Nguyễn Thị H4, bà Nguyễn Thị C2, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn H mỗi người được nhận 164,2m². Quá trình sử dụng thì bà H4 có đóng thuế đất cho Nhà nước theo quy định. Bà không tranh chấp phần ông L và ông Đ đã chuyển nhượng cho người khác.

Nay bà H4 đã chết, bà Chi đại diện cho các con của bà H4 nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị C2 và ông Huỳnh S trả lại cho bà và các anh chị em của bà phần đất có diện tích 164.2m² thuộc Thửa 22, Tờ bản đồ số 3, phường Linh trung, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), hiện nay phần đất đã bị thu hồi và đã được bồi thường, bà yêu cầu được nhận giá trị là 100.000.000đồng.

Bị đơn ông Huỳnh S trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị C2. Ông được bà Nguyễn Thị C2, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị B ủy quyền hướng dẫn đo đạc và nhận tiền đền bù dự án Suối Nhum, phường Linh Trung, quận Thủ Đức (nay là thành phố thủ Đức).

Về nguồn gốc phần đất, vợ ông là bà C2 được hưởng thừa kế từ mẹ là bà Đoàn Thị Đ. Khi thực hiện dự án mở rộng nhà máy CocaCola Chương Dương bà C2 đã chấp hành giao mặt bằng một phần đất được bà Đ cho là

1.204,67 m² trong đó đất vườn là 891,42 m², diện tích ao hồ tự nhiên là 121,61 m², hành lang điện 131,25 m², bà C2 đã nhận tiền bồi thường trên diện tích đất bị thu hồi 891,42 m². Khi đó các anh chị em còn lại cũng nhận tiền bồi thường trên phần đất của mỗi người bị thu hồi.

Thực hiện dự án Suối Nhum bà C2 giao diện tích đất 252,86 m² còn lại diện tích ao hồ tự nhiên 121,61 m², hành lang điện 131,25 m². Khi thực hiện dự án hệ thống tiêu thoát nước Suối Nhum, trong quá trình lập biên bản kiểm kê diện tích tài sản gắn liền với đất, bà C2, bà B, ông H ủy quyền cho ông S để nhận đền bù. Phần đất bị thu hồi và bồi thường là 565,9m² thuộc Thửa 22, Tờ bản đồ số 3, phường Linh Trung, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức). Do diện tích đất không nhiều nên Ban bồi thường yêu cầu ông H, bà B, bà C2 ủy quyền cho ông S đứng tên nhận tiền đền bù. Bà H4 không ủy quyền nên ông S không nhận phần của bà H4. Tổng diện tích thu hồi của bà C2, ông H, bà B theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố T ngày 11/4/2008 về là 565,9 m², trong đó của bà C2 là 252,86 m². Ông S đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và đã chi trả cho những người còn lại.

Ông S không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, do phần đất ông nhận bồi thường là đất của bà C2, ông H, bà B, ông chỉ là người đứng nhận thay theo ủy quyền và ông đã giao toàn bộ tiền cho Bà Nguyễn Thị C2, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị C2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung giải quyết vụ án. Bà có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L trình bày: Bà Đoàn Thị Đ (chết 1992) có phần đất khoảng 10.000 m² như nguyên đơn trình bày, ông là người đứng tên canh tác còn bà Đ (mẹ ông) là người đứng tên đóng thuế. Sau khi bà Đ chết, năm 1993 ông đứng ra phân chia 10.000 m² đất trên thành 6 phần bằng nhau cho 06 người con của bà Đoàn Thị Đ, các anh chị em bắt thăm để nhận phần của mình. Sau khi nhận đất thì phần của ai người đó canh tác, vì là đất chung nên các bên canh tác nhưng không làm giấy. Năm 1996, thực hiện dự án xây dựng nhà máy Công ty CocaCola thì mỗi người được đền bù một phần tiền, cả 6 người vẫn còn lại mỗi người một phần diện tích đất. Năm 2001 ông và ông Đ đã chuyển nhượng cho người khác. Phần còn lại của bà C2, bà H4, ông H, bà B vẫn còn sử dụng.

Năm 2008, khi thực hiện dự án Suối Nhum, Ủy ban nhân dân quận T lập hồ sơ thu hồi, bồi thường thì bà Nguyễn Thị H4 bị bệnh, Ông Huỳnh S là chồng Bà Nguyễn Thị C2 đã tự ý kê khai nhận tiền bồi thường luôn phần đất của bà H4. Khi ông L đứng ra hòa giải thì Bà Nguyễn Thị C2 nói đất của bà Nguyễn Thị H4 trôi hết rồi. Ông Huỳnh S thì cho rằng phần đất không còn của bà Đoàn Thị Đ mà là đất của Ông Huỳnh S là không đúng vì ông S chỉ là con rể không được hưởng thừa kế theo luật của mẹ vợ.

Nay, ông yêu cầu Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim C1 về việc được hưởng tiền bồi thường từ phần đất thừa kế của bà Nguyễn Thị H4 từ di sản của bà Đoàn Thị Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị B trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn Đ. Vào năm 1992 bà Đoàn Thị Đ chết để lại phần đất có diện tích 10.000m², ông Nguyễn Văn L đứng ra chia làm 6 phần bằng hình thức rút thăm theo thứ tự như sau: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị H4, Bà Nguyễn Thị C2, ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn Đ. Khi chia xong thì mỗi người tự canh tác trên phần đất được chia. Đến năm 1996, khi xây dựng nhà máy Công ty Coca Cola đã bồi thường cho từng người và mỗi người tự nhận tiền bồi thường trên phần đất của mình bị thu hồi. Phần còn lại của mỗi người tự canh tác. Năm 2001, ông Đực và ông L đã chuyển nhượng phần đất của mình cho người khác. Phần của 04 người còn lại là 565,9 m² thu hồi làm dự án bờ kè suối Nhum nhưng lại không có tên của bà Nguyễn Thị H4. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Nguyễn Thị Kim C1 và các anh chị em của bà C1 được nhận phần đền bù đối với phần đất còn lại của bà Nguyễn Thị H4 được nhận từ bà Đoàn Thị Đ. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung giải quyết vụ án. Bà có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Minh C3, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông, bà là con của bà H4, ông bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà C1, yêu cầu những người đã nhận bồi thường trả lại cho gia đình ông, bà số tiền 100.000.000đồng. Ông C3, bà N, ông H1, ông Q có yêu cầu Tòa

án giải quyết vụ án vắng mặt các ông, bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Ông bà là con của ông Nguyễn Văn Đ, khi bà Đoàn Thị Đ còn sống có tạo lập phần đất khoảng 10.000m². Năm 1992, bà Đ chết, ông L đứng ra chia phần đất của bà Đ thành 06 phần. Năm 1996, khi Công ty CocaCola xây dựng nhà máy đã thu hồi một phần đất của 06 người và bồi thường cho mỗi người một phần. Sau khi Công ty CocaCola bồi thường thì mỗi người đều dư một phần đất. Năm 2001, ông Đực và ông L đã chuyển nhượng phần đất của các ông cho người khác, phần đất còn lại của ông H, bà B, bà H4, bà C2. Khi thực hiện dự án Suối Nhum, ông S khi đó là tổ trưởng tổ dân phố đã khai và lãnh tiền bồi thường nhưng không khai phần của bà H4. Đề nghị Tòa án xem xét để các con bà H4 được nhận phần bồi thường trên phần đất bà H4 được nhận từ bà Đ. Các ông bà có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt các ông, bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà là con của ông Nguyễn Văn Đ, bà xác định phần đất của bà Đoàn Thị Đ để lại cho ông Nguyễn Văn Đ thì ông Đực đã chuyển nhượng cho người khác. Ông Nguyễn Văn Đ không còn quyền và nghĩa vụ gì đối với phần đất tranh chấp. Bà không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T3 trình bày: Ông là con của ông Nguyễn Văn Đ, ông đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim C1 về việc bà C1 và các anh chị em của bà yêu cầu được nhận bồi thường phần đất mà bà Nguyễn Thị H4 được nhận từ bà Đoàn Thị Đ với số tiền 100.000.000đồng. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim C4 trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn H, bà xác nhận chồng bà có được nhận phần đất từ Đoàn Thị Đ có diện tích khoảng 1.000 m². Khi nhà nước thu hồi làm dự án xây dựng nhà máy Công ty CocaCola thì ông H đã nhận bồi thường, phần còn lại thuộc dự án suối Nhum thì ông H uỷ quyền cho ông Huỳnh S đi làm thủ tục nhận bồi thường. Ông S có giao lại tiền cho gia đình bà. Với yêu cầu của bà C1 thì bà không đồng ý. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Châu T5 và bà

Nguyễn Thị Thủy T6 trình bày: ông bà là con của ông Nguyễn Văn H. Bà Đoàn Thị Đ chết để lại phần đất khoảng 6.000m², sau đó ông Nguyễn Văn L đứng ra chia cho ông H 1000m², khi thực hiện dự án CocaCola ông H đã nhận bồi thường. Khi thực hiện dự án Suối Nhum ông H đã ủy quyền cho Ông Huỳnh S nhận bồi thường. Ông H và bà Nguyễn Thị Kim C4 đã nhận một phần tiền bồi thường, phần còn lại do bà Nguyễn Thị Kim C1 tranh chấp nên chưa nhận được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Khánh L trình bày: Bà là con của bà Nguyễn Thị B (chết năm 2011) và ông Nguyễn Văn S (chết năm 2015). Bà Đoàn Thị Đ chết để lại phần đất có diện tích khoảng 6000 m² chia đều cho 06 người con của bà Đ, trong đó bà B được nhận 1000 m². Sau khi thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng nhà máy Công ty CocaCola thì còn lại một phần đất, khi thực hiện dự án Suối Nhum, bà B đã ủy quyền cho Ông Huỳnh S kê khai nhận tiền bồi thường. Năm 2014, Ban bồi thường quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức) có mời các anh chị em của bà lên nhận tiền bồi thường, đến năm 2015 nhận tiền lần 2 nhưng vì bà C1 kiện nên không nhận được. Với yêu cầu khởi kiện của bà C1 thì bà chấp nhận phán quyết của Tòa án. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Ngọc H2, ông Nguyễn Lê D, ông Nguyễn Lê H3, ông Nguyễn Lê T4 trình bày: Các ông là con của bà Nguyễn Thị B (chết năm 2011), nguồn gốc phần đất do bà Đoàn Thị Đ chết để lại phần đất có diện tích khoảng 6000m². Sau khi bà Điệp chết thì ông L đứng ra phân chia phần đất trên cho 06 người con của bà Điệp mỗi người 1.000m². Mỗi người tự đóng thuế. Khi thực hiện dự án CocaCola năm 1995 có thu hồi của gia đình ông khoảng 600 m². Gia đình ông đã nhận bồi thường. Phần còn lại khi thu hồi dự án Suối Nhum thì mẹ ông là bà Bích ủy quyền cho ông Huỳnh S nhận bồi thường. Năm 2014, Ban bồi thường quận Thủ Đức có mời các anh chị em của bà lên nhận tiền bồi thường, đến năm 2015 nhận tiền lần 2 nhưng vì bà C1 kiện nên không nhận được. Nay bà Chi khởi kiện thì các ông yêu cầu làm rõ phần đất của ai thì người đó được hưởng. Các ông Nguyễn Lê D, Nguyễn Lê H3, Nguyễn Lê T4 yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt các ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:

Khu đất có diện tích 565,9 m² thuộc Thửa 22 Tờ bản đồ số 3, phường Linh Trung bị thu hồi trong dự án xây dựng hệ thống tiêu thoát nước Suối Nhum Thành phố trên địa bàn phường Linh Trung, quận Thủ Đức. Theo báo cáo nguồn gốc của Ủy ban nhân dân phường Linh Trung, đất có nguồn gốc của bà Đoàn Thị Đ chết để lại cho Ông Huỳnh S sử dụng. Trong đó có một phần diện tích đất 36,8 m² theo bản đồ 1995 là Suối. Ngày 11/4/2008, Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 1194/QĐ-UBND về thu hồi đất đối với Ông Huỳnh S. Tại thời điểm lập hồ sơ bồi thường, Ủy ban nhân dân phường Linh Trung xác nhận nguồn gốc khu đất không có tranh chấp, khiếu nại. Do đó, ngày 28/5/2008, Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho Ông Huỳnh S. Ngày 22/4/2015, Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 1886/QĐ-UBND chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh bổ sung cho Ông Huỳnh S, với số tiền 197.121.936 đồng. Ngày 17/6/2015, bà Nguyễn Thị Kim C1 gửi đơn tranh chấp phần tiền bồi thường, hỗ trợ tương ứng với diện tích 565,9 m² đã bị thu hồi trong dự án. Ngày 21/7/2015, Ủy ban nhân dân phường Linh trung có Thông báo số 115/TB-UBND về việc hòa giải không thành giữa Ông Huỳnh S và bà Nguyễn Thị Kim C1. Tại thời điểm ban hành Quyết định chi trả bổ sung có phát sinh tranh chấp tại Tòa án nên số tiền bồi thường, hỗ trợ 197.121.936 đồng được gửi vào Ngân hàng và sẽ được chi trả khi tranh chấp được giải quyết bằng bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực.

Khi thực hiện dự án nhà máy Công ty Coca Cola thì Ban Bồi thường quận T (nay là thành phố T) không thực hiện.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Ông Huỳnh S trả lại cho bà và các anh chị em của bà số tiền 100.000.000đồng là tiền được nhận bồi thường cho phần đất bị thu hồi làm dự án Suối Nhum trong phần đất có diện tích 565,9 m² mà Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) đã chi trả tiền bồi thường cho Ông Huỳnh S. Toàn bộ phần đất 565,9 m² thuộc phần đất có diện tích khoảng 10.000 m² có nguồn gốc của bà Đoàn Thị Đ chết để lại cho các con. Bà Đ có 06 người con là ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B, Bà Nguyễn Thị C2 và bà Nguyễn Thị H4, bà là con của bà H4. Sau khi thu hồi xây dựng nhà máy Coca Cola thì ông L và ông Đ đã chuyển nhượng phần

của mình cho người khác. Còn lại bốn người là bà H4, bà B, ông H, bà C2 vẫn sử dụng phần được chia. Năm 2008 khi Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) thực hiện dự án Suối Nhum thì bà H4 bị bệnh phải nằm bệnh viện nên ông S đã tự ý kê khai nhận bồi thường, gia đình bà không biết. Sau khi biết thì bà đã đi khiếu nại nên hiện nay Ủy ban nhân dân thành phố T đang còn giữ số tiền 197.121.936 đồng.

Lẽ ra bà và các anh chị em được nhận $\frac{1}{4}$ số tiền được bồi thường trên tổng số tiền 510.301.936 đồng. Tuy nhiên, bà C1 chỉ yêu cầu cho bà và các anh chị em được nhận số tiền 100.000.000 đồng là phần tiền bồi thường đất mà bà H4 được chia. Ngoài ra bà không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bị đơn Ông Huỳnh S, Bà Nguyễn Thị C2 có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông là người phân chia phần đất trên thành 06 phần bằng nhau theo thứ tự được nhận đất là ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị H4, Bà Nguyễn Thị C2, ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn Đ. Khi phân chia chỉ đo bằng dây, không đo đạc diện tích cụ thể. Nay ông yêu cầu Tòa án để cho các con bà H4 được nhận phần tài sản mà bà H4 được nhận từ bà Đoàn Thị Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Bà thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị Kim C1, đề nghị cho các anh chị em của bà được nhận số tiền 100.000.000 đồng. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà là con của ông Nguyễn Văn Đ, ông Đực đã chuyển nhượng phần đất của mình cho người khác nên bà không còn quyền và nghĩa vụ gì trong vụ án này. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H2 trình bày ông là con của bà Nguyễn Thị B, ông là người cùng ông Nguyễn Văn L đứng ra phân chia phần đất trên cho 06 người con của bà Đoàn Thị Đ. Ông xác định vị trí đất được phân chia các con của bà Đ như ông Nguyễn Văn L trình bày theo thứ tự ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị H4, Bà Nguyễn Thị C2, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn Đ. Phần đất của bà Nguyễn Thị H4 còn lại nằm trong phần đất có diện tích 565,9 m². Tuy nhiên,

khi bồi thường thì Ủy ban không xác định đất của bà H4 nên chỉ bồi thường cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B và Bà Nguyễn Thị C2. Việc bà Nguyễn Thị H4 không được bồi thường là lỗi của Ủy ban không xác minh chứ không phải lỗi của Ông Huỳnh S, Bà Nguyễn Thị C2, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn H. Về diện tích đất cụ thể của từng người còn lại ông không thể xác định được do giấy tờ thất lạc. Bà C1 yêu cầu trả cho bà 100.000.000đồng nếu xác định đúng thì ông đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị B, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị M, ông Dương Minh C3, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn T3, ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị Khánh L, ông Nguyễn Lê T4, ông Nguyễn Lê H3, ông Nguyễn Lê D, bà Nguyễn Thị Kim C4, ông Nguyễn Chân T5, bà Nguyễn Thị Thủy T6, đại diện Ủy ban nhân dân thành phố T có yêu cầu vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án đã vi phạm thời hạn giải quyết vụ án theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận bà Nguyễn Thị Kim C1 được nhận số tiền 100.000.000đồng.

Về án phí, chi phí tố tụng đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Kim C1 khởi kiện yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất với Ông Huỳnh S đối với phần đất toạ lạc tại thành phố Thủ Đức nên căn cứ Khoản 9 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về quan hệ tranh chấp, phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc của bà Đoàn Thị Đ. Năm 1992, bà Đ chết. Năm 1993, các con bà Đ đã tự phân chia cho 06 người con của bà Đ là ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị H4, Bà Nguyễn Thị C2, ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn Đ mỗi người một phần. Sau khi phân chia mỗi người tự sử dụng phần đất được chia, khi thực hiện dự án xây dựng nhà máy CocaCola đã thu hồi mỗi người một phần đất và bồi thường cho từng người. Sau đó ông Đực và ông L đã chuyển nhượng phần đất thuộc quyền sử dụng của mình cho người khác. Ông H, bà B, bà H4, bà C2 vẫn sử dụng canh tác trên phần đất được chia. Khi thực hiện dự án hệ thống tiêu thoát nước Suối Nhum (sau đây được ghi là dự án Suối Nhum) thì Ông Huỳnh S đã kê khai chung phần đất thuộc Thửa 22 nên Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) đã thực hiện thu hồi và bồi thường cho Ông Huỳnh S. Như vậy, phần đất trên các đương sự đã tự phân chia và tự sử dụng nên xác định phần đất đang tranh chấp là di sản thừa kế đã được phân chia. Vì vậy, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Về người tham gia tố tụng: Bị đơn Ông Huỳnh S, Bà Nguyễn Thị C2, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị B, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị M, ông Dương Minh C3, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn T3, ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị Khánh L, ông Nguyễn Lê T4, ông Nguyễn Lê H3, ông Nguyễn Lê D, bà Nguyễn Thị Kim C4, ông Nguyễn Châu T5, bà Nguyễn Thị Thủy T6, đại diện Ủy ban nhân dân thành phố T có yêu cầu vắng mặt nên căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các ông bà.

[2] Về nội dung:

Về nguồn gốc phần đất tranh chấp: Căn cứ theo lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì phần đất có diện tích 565,98 m² thuộc một phần diện tích đất khoảng 6.000 m² do bà Đoàn Thị Đ chết để lại.

Tại Thông báo về nghĩa vụ nộp thuế nông nghiệp năm 1992-1993 và các Biên lai thu thuế nông nghiệp thể hiện thì bà Đoàn Thị Đ là người thực hiện việc đóng thuế nông nghiệp đối với phần diện tích đất 0,6 ha.

Căn cứ Văn bản số 2011/UBND-TNMT ngày 01/6/2016 của Ủy ban nhân dân quận T về việc phúc đáp Văn bản số 305/TAQTD ngày 09/5/2016 thì nguồn gốc phần đất có diện tích 565,9 m² thuộc Thửa 22 có nguồn gốc do bà Đoàn Thị Đ sử dụng trước năm 1975, đến năm 1991 bà Đ chết để lại cho Ông Huỳnh S sử dụng.

Từ đó, có cơ sở xác định phần đất trên có nguồn gốc của bà Đoàn Thị Đ. Tổng diện tích đất bà Đoàn Thị Đ để lại thì không có tài liệu nào thể hiện chính xác. Theo trình bày của các đương sự thì việc đo đạc khi phân chia cũng không được thực hiện cụ thể mà chỉ bằng dây. Các đương sự đều khai sau khi được phân chia thì mỗi người được nhận khoảng 1.000 m². Bà Nguyễn Thị Kim C1 đi khởi kiện nhưng cũng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh về diện tích đất bà Nguyễn Thị H4 và các anh chị em đã nhận của bà Đoàn Thị Đ thực tế là bao nhiêu, khi thu hồi thực hiện dự án Suối Nhum thì diện tích cụ thể của từng người là bao nhiêu. Tòa án đã tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ nhưng cũng không được.

Bà Đ có 06 người con là ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị H4, bà Nguyễn Thị B, Bà Nguyễn Thị C2.

Sau khi bà Đoàn Thị Đ chết, năm 1993, các con của bà Đ đã đứng ra tự phân chia phần đất của bà Đ thành 06 phần cho 06 người con của bà Đ. Khi phân chia không đo chính xác chỉ đo bằng dây. Theo bốc thăm thì vị trí đất của các ông bà như sau: Số 1 là phần của ông Nguyễn Văn H, số 2 là phần của bà Nguyễn Thị B, số 3 là phần của bà Nguyễn Thị H4, số 4 là phần của Bà Nguyễn Thị C2, số 5 là phần của ông Nguyễn Văn L, số 6 là phần của ông Nguyễn Văn Đ. Mỗi người đã tự sử dụng phần đất được phân chia. Khi thực hiện dự án xây dựng nhà máy Công ty Coca Cola đã thu hồi một phần đất, mỗi người bị thu hồi một phần và đã tự nhận bồi thường. Phần còn lại mỗi người tự sử dụng và canh tác. Đến năm 2001, ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn Đ đã chuyển nhượng phần đất của các ông được nhận cho người khác. Ông Nguyễn Văn L và vợ, con của ông Nguyễn Văn Đ đã xác nhận và xác định không còn liên quan đến phần đất tranh chấp. Phần còn lại ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị H4, Bà Nguyễn Thị C2 tự canh tác. Năm 2008, thực hiện dự án Suối Nhum, Ủy ban nhân dân quận T đã ban hành Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 11/4/2008 về thu hồi diện tích 565,9 m² thuộc

Thửa số 22, Tờ bản đồ số 3 của Ông Huỳnh S. Như vậy, phần đất trên trước đây là di sản của bà Đoàn Thị Đ, các con của bà Đ đã tự phân chia và mỗi người sử dụng phần riêng của mình từ năm 1993, khi thực hiện dự án xây dựng nhà máy Công ty Coca Cola thì mỗi người cũng tự nhận bồi thường. Áp dụng Án lệ số 24/2018/AL về di sản thừa kế chuyển thành tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của cá nhân thì phần di sản của bà Đoàn Thị Đ đã chia cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị H4, Bà Nguyễn Thị C2 đã chuyển thành tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của các ông bà.

Tại bản đồ vẽ tay về việc phân chia đất có xác nhận chữ ký của bà Bồn (vợ ông Đực), ông L, bà C1 (con bà H4), ông H2 (con bà B), bà C4 (vợ ông H) ký và theo trình bày của các đương sự thì vị trí đất của các con bà Đ được phân chia như sau: Số 1 là phần của ông Nguyễn Văn H, số 2 là phần của bà Nguyễn Thị B, số 3 là phần của bà Nguyễn Thị H4, số 4 là phần của Bà Nguyễn Thị C2, số 5 là phần của ông Nguyễn Văn L, số 6 là phần của ông Nguyễn Văn Đ. Như vậy, phần đất của bà Nguyễn Thị H4 được chia nằm giữa phần đất của bà Nguyễn Thị B và Bà Nguyễn Thị C2.

Căn cứ vào hồ sơ bồi thường và bản đồ kỹ thuật thửa đất do Ban bồi thường công bố thì phần đất có diện tích 565,9 m² được bồi thường thuộc nguyên Thửa số 22 là một khối không phân cắt. Như vậy, có cơ sở xác định phần đất của bà H4 nằm giữa phần đất của bà C2 và bà B, ông H thuộc một phần diện tích đất bị thu hồi để thực hiện dự án Suối Nhum.

Do khi đo vẽ xác định ranh thu hồi, Ủy ban nhân dân quận T không thực hiện riêng đối với phần đất của từng người mà gộp chung thành diện tích 565,9 m². Khi phân chia các đương sự cũng không xác định cụ thể diện tích nên không thể xác định được diện tích của từng người là bao nhiêu. Hiện nay, đất đã bị thu hồi làm dự án Suối Nhum nên không thể đo vẽ lại. Không đủ tài liệu để đo vẽ phục hồi ranh. Vì vậy, xác định phần đất có diện tích 565,9 m² thuộc quyền sử dụng chung của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H4, Bà Nguyễn Thị C2, bà Nguyễn Thị B.

Việc Ủy ban nhân dân quận T xác định đất của bà Đoàn Thị Đ chết để lại cho Ông Huỳnh S và chi trả tiền bồi thường cho Ông Huỳnh S là không chính xác.

Tổng giá trị bồi thường cho phần đất 565,9 m² thuộc Thửa số 22, Tờ bản đồ số 3 theo Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 28/5/2008 của Ủy ban nhân dân quận T về chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng trong dự án hệ thống tiêu thoát nước Suối Nhum Thành phố - phường Linh Trung trên địa bàn quận Thủ Đức chi trả bồi thường, hỗ trợ cho hộ Ông Huỳnh S là 115.680.000đồng, theo Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 23/01/2015 của Ủy ban nhân dân quận T về chi trả tiền tạm ứng trong dự án xây dựng hệ thống tiêu thoát nước Suối Nhum Thành phố trên địa bàn phường Linh Xuân, phường Linh Trung quận Thủ Đức chi trả tạm ứng cho Ông Huỳnh S số tiền 200.000.000đồng, theo Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 của Ủy ban nhân dân quận T về chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh, bổ sung trong Dự án xây dựng hệ thống tiêu thoát nước Suối Nhum Thành phố trên địa bàn phường Linh Xuân, phường Linh Trung quận Thủ Đức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho Ông Huỳnh S 510.301.936 đồng, khấu trừ 313.180.000đồng, tổng số tiền hỗ trợ điều chỉnh bổ sung là 197.121.936 đồng. Như vậy, Ông Huỳnh S đã nhận số tiền 313.180.000đồng. Theo lời trình bày của Ông Huỳnh S, và các con của bà B, vợ và các con của ông H thì sau khi ông S nhận tiền bồi thường hai lần, lần 1 là 115.680.000đồng, lần 2 là 200.000.000đồng và đã chia cho các con của bà B và vợ, con của ông H.

Căn cứ vào các Quyết định bồi thường Ủy ban nhân dân quận T đã tiến hành bàn giao tiền bồi thường cho ông S nhưng ông S chỉ bàn giao tiền cho bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn H và Bà Nguyễn Thị C2 mà không xác định bà Nguyễn Thị H4 có quyền sử dụng đối với phần đất trên là không đúng.

Số tiền còn lại 197.121.936 đồng, theo trình bày của người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) thì số tiền này đang được gửi trong Ngân hàng.

Tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 510.301.936 đồng. Bà Nguyễn Thị Kim C1 chỉ yêu cầu nhận số tiền 100.000.000đồng là ít hơn so với ¼ tổng số tiền bồi thường lẽ ra bà và các anh chị em của bà được nhận nên được ghi nhận.

Vì vậy, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim C1, bà Nguyễn Thị Kim C1 và các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị H4 gồm bà Nguyễn Thị M, ông Dương Minh C3, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn Q được nhận số tiền

100.000.000đồng là tiền bồi thường, hỗ trợ cho phần đất bà Nguyễn Thị H4 được nhận từ bà Đoàn Thị Đ trong phần đất có diện tích 565,9 m² thuộc Thửa số 22, Tờ bản đồ số 3 mà Ủy ban nhân dân quận T đã chi trả tiền bồi thường hỗ trợ theo các Quyết định nêu trên. Bà Nguyễn Thị Kim C1 và các đồng thừa kế của bà H4 được liên hệ với Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố Thủ Đức và cơ quan có thẩm quyền để nhận số tiền 100.000.000đồng trong số tiền 197.121.936 đồng mà Ban bồi thường giải phóng mặt bằng đang gửi tại Ngân hàng theo Văn bản số 692/GPMB-NV1 ngày 06/10/2015 về việc gửi ngân hàng đối với Ông Huỳnh S bị ảnh hưởng trong dự án hệ thống tiêu thoát nước Suối Nhum Thành phố, phường Linh Trung, quận Thủ Đức.

Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn Ông Huỳnh S và Bà Nguyễn Thị C2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 100.000.000 đồng. Tuy bị đơn Ông Huỳnh S và Bà Nguyễn Thị C2 là người già theo quy định của Luật người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên không có căn cứ miễn án phí cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 9 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 688, Điều 223 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Điều 220 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Án lệ số 24/2018/AL về di sản thừa kế chuyển thành tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của cá nhân được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2018.
- Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử,

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C1.

Bà Nguyễn Thị Kim C1 và các đồng thừa kế còn lại của bà Nguyễn Thị H4 gồm bà Nguyễn Thị M, ông Dương Minh C3, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn Q được nhận số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, là tiền bồi thường, hỗ trợ cho phần đất bà Nguyễn Thị H4 được nhận từ bà Đoàn Thị Đ trong phần đất có diện tích 565,9 m² thuộc Thửa số 22 Tờ bản đồ số 3 mà Ủy ban nhân dân quận T đã chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 28/5/2008 của Ủy ban nhân dân quận T về chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng trong dự án hệ thống tiêu thoát nước Suối Nhum Thành phố-phường Linh Trung trên địa bàn quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức); Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 23/01/2015 của Ủy ban nhân dân quận T về chi trả tiền tạm ứng trong dự án xây dựng hệ thống tiêu thoát nước Suối Nhum Thành phố trên địa bàn phường Linh Xuân, phường Linh Trung quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức); Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 của Ủy ban nhân dân quận T về chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh, bổ sung trong Dự án xây dựng hệ thống tiêu thoát nước Suối Nhum Thành phố trên địa bàn phường Linh Xuân, phường Linh Trung quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức).

Bà Nguyễn Thị Kim C1, bà Nguyễn Thị M, ông Dương Minh C3, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn Q được liên hệ với Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố Thủ Đức và cơ quan có thẩm quyền để nhận số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng trong số tiền 197.121.936 đồng mà Ban bồi thường giải phóng mặt bằng đang gửi tại Ngân hàng theo Văn bản số 692/GPMB-NV1 ngày 06/10/2015 về việc gửi ngân hàng đối với Ông Huỳnh S bị ảnh hưởng trong dự án hệ thống tiêu thoát nước Suối Nhum Thành phố, phường Linh Trung, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm 5.000.000 đồng Ông Huỳnh S và Bà Nguyễn Thị C2 phải nộp. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Kim C1 số tiền 2.500.000 đồng theo Biên lai thu số 0006648 ngày 29/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức).

3. Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm

yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(Đã ký)

Trần Thị Thanh